

**PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Số: **0754** /PTM-PTBV

V/v: Thông báo đến các doanh nghiệp
Chương trình đánh giá, công bố DN bền
vững năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021

VP UBND TỈNH NAM ĐỊNH

ĐẾN Số: 6838
Ngày: 01/6/21

Kính gửi: Ban Lãnh đạo UBND tỉnh Nam Định

Chuyển:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan và xin thông báo một việc như sau:

Thực hiện kế hoạch cũng như chỉ đạo của Chính phủ tại Thông báo số 398/TB-VPCP ngày 15/12/2015 về việc xếp hạng doanh nghiệp bền vững từ năm 2016, đồng thời thực hiện Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về phát triển bền vững, trong đó VCCI được giao nhiệm vụ ***“tiếp tục đánh giá doanh nghiệp phát triển bền vững dựa trên Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) theo thông lệ quốc tế; công bố thường niên bảng xếp hạng CSI của các doanh nghiệp trên truyền thông đại chúng và nhân rộng áp dụng trong cộng đồng doanh nghiệp”***, VCCI tiếp tục phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam 2021 (sau đây gọi tắt là Chương trình). Chương trình CSI là hoạt động thường niên của VCCI nhằm thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phát triển theo hướng bền vững, tiến tới các mục tiêu phát triển bền vững đặt ra. Lễ công bố các doanh nghiệp bền vững năm 2021, dự kiến được tổ chức vào Quý 4 năm 2021 tại Hà Nội.

Với mong muốn tổ chức thành công Chương trình nêu trên trong năm 2021, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh thông báo rộng rãi và khuyến khích các doanh nghiệp mọi thành phần tham gia chương trình xếp hạng theo hồ sơ gửi kèm. Hồ sơ hoàn thiện xin gửi về cho Văn phòng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững, VCCI- số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội- **trước ngày 15/08/2021**.

Nội dung và cách thức tham dự Chương trình được đăng tải tại trang web:
<http://www.vbcsd.vn>. Cán bộ đầu mối của chương trình:

Anh Nguyễn Thành Trung (Mobile: 0945223333; email: trungnt@vcci.com.vn)

Chị Nguyễn Thị Quỳnh Nga (Mobile: 0979751516; Email: ngantq@vcci.com.vn).

Sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng doanh nghiệp thể hiện sự cam kết của mình đối với một thế giới hội nhập và bền vững hơn vào năm 2030.

Xin trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận: - Như trên

- Lưu: VT, VP PTBV



CHỦ TỊCH


Vũ Tiên Lộc

BỘ CHỈ SỐ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2021

I. THÔNG TIN TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp			
Mã số thuế			
Loại hình doanh nghiệp (FDI, Cổ phần, TNHH...)			
Quy mô doanh nghiệp	☐ Siêu nhỏ/nhỏ	☐ Vừa/lớn	
Lĩnh vực hoạt động	☐ Sản xuất	☐ Thương mại – dịch vụ	
Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính			
Địa chỉ trụ sở chính			
Điện thoại		Fax	
Website		Email	
Năm thành lập			
Người đại diện pháp luật	Chức vụ	Điện thoại di động	Email
Họ và tên			
Đầu mối liên hệ của doanh nghiệp	Chức vụ	Điện thoại di động	Email
Họ và tên			
Công ty thành viên			
Tên-Địa chỉ	Điện thoại	Email	
Chi nhánh/nhà máy			
Tên-Địa chỉ	Điện thoại	Email	

Sản phẩm/dịch vụ chính				Sản lượng năm 2020	
Nguyên vật liệu đầu vào chính (nếu có)	Khối lượng trung bình/năm			Tỷ lệ từ nhà cung cấp trong nước	Tỷ lệ nhập khẩu
	2018	2019	2020		
Các thị trường chính			Các bộ công cụ tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất kinh doanh		
Trong nước (tỉnh/thành phố)	Nước ngoài	Chất lượng	Môi trường	Lao động – xã hội	
Sử dụng nhiên liệu hàng năm			2018	2019	2020
Điện (Kwh)					
Xăng (lít)					
Dầu (lít)					
Than (tấn)					
Nguồn nguyên, nhiên liệu khác (đề nghị ghi rõ)					
Thông tin kinh tế			2018	2019	2020
Vốn đăng ký kinh doanh, triệu VND					
Tổng số vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh đã thực hiện, triệu VND					
Tổng doanh thu, triệu VND					
Thông tin Lao động – Xã hội			2018	2019	2020
Tổng số lao động					
Số lao động nữ					
Tổng số cán bộ quản lý cấp cao					
Số cán bộ lãnh đạo nữ là lãnh đạo cao cấp					
Số lao động vị thành niên (nếu có) - là lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi					
Lưu ý: Các chứng nhận/chứng chỉ được cung cấp bởi bên thứ 3 còn thời hạn trong lúc tham gia chương trình đề nghị doanh nghiệp thống kê, gửi bản sao cho ban tổ chức					

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CƠ CẤU QUẢN TRỊ, CÁCH THỨC QUẢN TRỊ VÀ PHƯƠNG THỨC RA CÁC QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ CỦA DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp nộp bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 3 năm. Trong trường hợp doanh nghiệp là tổng công ty (tập đoàn) mà các công ty thành viên hạch toán độc lập thì hồ sơ cần bao gồm cả các báo cáo tài chính của các công ty thành viên.

II. CHỈ SỐ KẾT QUẢ PTBV

MÔ TẢ			2018	2019	2020	Tài liệu đính kèm
I 1	M	Lợi nhuận trước thuế (triệu VNĐ)				☐
I 2	C	Khả năng sinh lời trên vốn của doanh nghiệp (ROE)				☐
I 3	C	Khả năng sinh lời trên tài sản của doanh nghiệp (ROA)				☐
I 4	M	Đóng góp cho ngân sách (triệu VNĐ)				☐
I 5	A	Đóng góp cho xã hội thông qua các chương trình/sáng kiến về hỗ trợ nhân đạo/phát triển cộng đồng/bảo vệ môi trường.... (triệu VNĐ, nếu có)				☐
I 6	M	Kim ngạch xuất khẩu (triệu VNĐ, nếu có)				☐
I 7	M	Kim ngạch nhập khẩu (triệu VNĐ, nếu có)				☐
I 8	M	Thu nhập bình quân lao động nam (triệu VNĐ)				☐
I 9	M	Thu nhập bình quân lao động nữ (triệu VNĐ)				☐
I 10	A	Tỷ lệ phần trăm các chất thải thông thường, chất thải rắn rắn công nghiệp được thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng (nếu có)				☐
I 11	A	Tỷ lệ phần trăm nước thải được thu gom, tuần hoàn, tái sử dụng (nếu có)				☐
I 12	A	Tiết kiệm các nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính (nếu có)				☐

III. CHỈ SỐ QUẢN TRỊ

G – CÁC CHỈ SỐ VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP			Thực hiện tại DN		Tài liệu, hình ảnh đính kèm hồ sơ
			Có	Không	
KẾ HOẠCH PTBV					
G1	M	Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp có bao gồm các vấn đề môi trường, xã hội,	☐	☐	☐
G2	A	Trong cơ cấu tổ chức doanh nghiệp có bộ phận/cán bộ phụ trách các vấn đề PTBV	☐	☐	☐
G3	A	Chiến lược kinh doanh được doanh nghiệp xây dựng dựa trên việc thực hiện các mục tiêu SDGs cụ thể.	☐	☐	☐
QUẢN TRỊ RỦI RO					
G4	C	Có chính sách quản trị rủi ro trong hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	☐	☐	☐
G5	A	Xây dựng, thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức, phòng trừ, giảm nhẹ, tái phục hồi trong các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh			
QUẢN LÝ MUA SẮM, NHÀ CUNG CẤP VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH					
G6	C	Có chính sách/quy định các thủ tục mua sắm hàng hóa, dịch vụ	☐	☐	☐
G7	A	Xây dựng, thực hiện quy trình quản lý chuỗi cung ứng bền vững trong kinh doanh	☐	☐	☐
G8	A	Tham gia các chương trình/sáng kiến chống độc quyền trong sản xuất và kinh doanh	☐	☐	☐
ĐẢM BẢO SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG					
G9	C	Có chính sách, kênh thông tin và thực hiện thu thập ý kiến, khảo sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm/dịch vụ để thực hiện các cải tiến	☐	☐	☐
G10	C	Xây dựng và thực hiện đúng quy trình xử lý khiếu nại, góp ý của khách hàng			
CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC THÙ					
G11	C	Có chính sách/chương trình quy hoạch, đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nữ	☐	☐	☐
G12	A	Có chính sách đa dạng giới trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc			
G13	M	Có chính sách quy định sử dụng lao động trong độ tuổi từ 15 đến 18			

G14	M	Có chính sách điều khoản quy định về phòng chống quấy rối tình dục nơi công sở			
G15	A	Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống tham nhũng trong kinh doanh (<i>bao gồm cả các quy tắc tắc phòng chống lạm dụng quyền lực và tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp</i>)			
G16	C	Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống buôn bán, tiêu thụ, sử dụng động vật hoang dã và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã	☐	☐	☐
TRUYỀN THÔNG					
G17	M	Xây dựng các hình thức thực hiện công tác truyền thông tới các đối tác và các bên liên quan	☐	☐	☐
G18	A	Thực hiện lập và công bố báo cáo thường niên có tích hợp các thông tin phi tài chính (<i>các thông tin về môi trường, lao động - xã hội</i>)/ báo cáo PTBV	☐	☐	☐
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)					
G19	A	Có bộ phận nghiên cứu và phát triển chuyên trách trong cơ cấu tổ chức	☐	☐	☐
G20	M	Có các chương trình/hoạt động xúc tiến thương mại để phát triển thị trường mới	☐	☐	☐
SÁNG KIẾN CẢI THIỆN, NÂNG CAO HỆ THỐNG QUẢN TRỊ					
G21	A	Có quy trình và thực hiện đánh giá năng lực cán bộ (<i>quản lý từ cấp trung trở lên</i>) thường niên	☐	☐	☐
G22	A	Thực hiện việc cải thiện hệ thống/quy trình quản trị khi có các ý kiến đóng góp thiết thực	☐	☐	☐

Các chương trình/sáng kiến nổi bật của doanh nghiệp trong kỳ đánh giá về lĩnh vực quản trị (nếu có) đề nghị mô tả tóm tắt về mục tiêu, kết quả đạt được đồng thời gửi kèm các tư liệu chứng thực về chương trình/sáng kiến này

IV. CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG

E - CÁC CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG			Thực hiện tại DN			Tài liệu, hình ảnh đính kèm hồ sơ
			Có	Không	Không thuộc đối tượng áp dụng	
TUÂN THỦ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						
E1	M	Đầy đủ các giấy phép bảo vệ môi trường (còn hiệu lực) của cơ quan chức năng	☐	☐	☐	☐
E2	M	Chi trả các loại thuế/phí/lệ phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật	☐	☐	☐	☐
E3	M	Báo cáo đúng, đầy đủ, và kịp thời công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp tới các cơ quan chức năng	☐	☐	☐	☐
E4	M	Thực hiện bảo vệ môi trường trong xuất, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu đã qua sử dụng	☐	☐	☐	☐
E5	A	Thực hiện các chương trình/biện pháp thu gom sản phẩm /vật liệu đóng gói sản phẩm sau khi sản phẩm/vật liệu đóng gói sản phẩm bị thải bỏ	☐	☐	☐	☐
SỬ DỤNG TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, QUẢN LÝ THẢI HƯỚNG TỚI KINH TẾ TUẦN HOÀN						
E6	C	Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, biển và hệ sinh thái tự nhiên	☐	☐	☐	☐
E7	M	Sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm chất thải, phát thải	☐	☐	☐	☐
E8	A	Thực hiện tái sử dụng/tái chế các nguyên liệu sản xuất thừa/không đạt yêu cầu ở quá trình sản xuất chính	☐	☐	☐	☐
E9	M	Thực hiện theo dõi giám sát, quản lý chi phí năng lượng trong sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐
E10	M	Thực hiện các biện pháp sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐
E11	A	Thực hiện các sáng kiến thay thế nhiên liệu hóa thạch, sử dụng năng lượng tái tạo cho sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐
E12	A	Có các sáng kiến và thực hiện việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải	☐	☐	☐	☐

E13	A	Đầu tư công nghệ hiện đại nhằm lưu trữ, thương mại hóa khí nhà kính	☐	☐	☐	☐
E14	A	Doanh nghiệp có chương trình /sáng kiến hợp tác để tái chế/tái sử dụng phế thải	☐	☐	☐	☐

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM, KHẮC PHỤC SỰ CỐ VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG

E15	M	Có các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, mùi khó chịu, ... đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận	☐	☐	☐	☐
E16	M	Có giải pháp giảm thiểu chất thải rắn, thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn trong sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh	☐	☐	☐	☐
E17	M	Xây dựng và thực hiện đúng quy định, quy trình về thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong công nghiệp và chất thải rắn nguy hại	☐	☐	☐	☐
E18	C	Có hoạt động kiểm soát, giám sát, quan trắc môi trường nước thải, khí thải, bụi theo đúng quy định	☐	☐	☐	☐
E19	M	Có đủ trang thiết bị, dụng cụ phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	☐	☐	☐	☐
E20	A	Không sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, bao bì, thiết bị có chứa chất ô nhiễm, khó phân hủy	☐	☐	☐	☐
E21	M	Doanh nghiệp có biện pháp quản lý, sử dụng, lưu trữ an toàn hóa chất trong sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐

QUẢN LÝ, GIÁO DỤC, TRUYỀN THÔNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP

E22	C	Bố trí nhân sự phụ trách công tác bảo vệ môi trường, có trang thiết bị, kinh phí cho bảo vệ môi trường	☐	☐	☐	☐
E23	M	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên và người lao động về bảo vệ môi trường	☐	☐	☐	☐
E24	A	Tham vấn ý kiến cộng đồng về tác động môi trường của doanh nghiệp, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
E25	A	Có các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục thảm họa thiên tai, sự cố môi trường	☐	☐	☐	☐

Các chương trình/sáng kiến nổi bật khác của doanh nghiệp trong kỳ đánh giá về lĩnh vực môi trường (nếu có) đề nghị mô tả tóm tắt về mục tiêu, kết quả đạt được đồng thời gửi kèm các tư liệu chứng thực về chương trình/sáng kiến này

V. CHỈ SỐ LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

S&L – CÁC CHỈ SỐ VỀ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI			Thực hiện tại DN			Tài liệu, hình ảnh đính kèm hồ sơ
			Có	Không	Không xảy ra trong kỳ đánh giá	
LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ QUẢN TRỊ NHÂN SỰ						
L1	M	Tuân thủ các quy định về giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng hợp pháp	☐	☐	☐	☐
L2	M	Tuân thủ các quy định về thử việc	☐	☐	☐	☐
L3	M	Xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động	☐	☐	☐	☐
L4	M	Tuân thủ quy định về xử lý vi phạm kỷ luật lao động	☐	☐	☐	☐
L5	M	Lập sổ quản lý lao động và định kỳ báo cáo sử dụng lao động	☐	☐	☐	☐
LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP						
L6	C	Xây dựng và công khai hệ thống định mức lao động, thang bảng lương cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L7	C	Xây dựng quy chế trả lương cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L8	C	Thực hiện đánh giá nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp hàng năm cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L9	M	Chi trả tiền lương, tiền công đầy đủ và đúng hạn	☐	☐	☐	☐
L10	A	Thực hiện các hình thức khen thưởng, các chế độ khuyến khích người lao động	☐	☐	☐	☐
L11	M	Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng mức quy định (đóng theo tiền lương thực lĩnh)	☐	☐	☐	☐
L12	M	Chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo đúng quy định	☐	☐	☐	☐
CÁC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI						
L13	A	Có chế độ bảo hiểm tự nguyện cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L14	A	Xây dựng ký túc xá hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L15	A	Hỗ trợ tiền/phương tiện đi làm việc, tiền ăn trưa, tiền may quần áo... cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L16	A	Có các chế độ cho con của người lao động (xây dựng nhà trẻ, hỗ trợ kinh phí nuôi con, gửi trẻ, quà tặng thành tích học tập...)	☐	☐	☐	☐
L17	C	Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L18	C	Có chế độ thăm quan nghỉ ngơi thường niên cho người lao động	☐	☐	☐	☐
THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI						
L19	M	Tuân thủ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L20	M	Tuân thủ việc trả lương thêm giờ, làm ca đêm và làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ cho người lao động	☐	☐	☐	☐

SỨC KHỎE, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM						
L21	M	Khám sức khỏe định kỳ cho đủ số người lao động	☐	☐	☐	☐
L22	A	Thực hiện khám chuyên khoa cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L23	C	Bố trí bộ phận, cán bộ làm công tác y tế (chuyên trách/bán chuyên trách) hoặc có hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế	☐	☐	☐	☐
L24	M	Bố trí số lượng nhà vệ sinh phù hợp theo giới	☐	☐	☐	☐
L25	A	Kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L26	M	Ban hành quy định, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động	☐	☐	☐	☐
L27	C	Bố trí bộ phận, cán bộ làm công tác an toàn lao động	☐	☐	☐	☐
L28	M	Thực hiện việc kiểm định theo định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	☐	☐	☐	☐
L29	M	Xây dựng và thực hiện quy trình vận hành máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	☐	☐	☐	☐
L30	M	Thường xuyên đánh giá rủi ro, có biện pháp kiểm soát rủi ro mất an toàn tại nơi làm việc	☐	☐	☐	☐
L31	M	Có phương án/quy trình xử lý sự cố mất an toàn, nguy hiểm tại nơi làm việc	☐	☐	☐	☐
L32	M	Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động	☐	☐	☐	☐
L33	M	Thống kê, phân loại lao động thực hiện các công việc nặng nhọc, độc hại, lao động có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	☐	☐	☐	☐
L34	M	Thực hiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và sử dụng lao động	☐	☐	☐	☐
L35	M	Thực hiện quan trắc môi trường lao động hằng năm	☐	☐	☐	☐
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						
L36	M	Thực hiện đào tạo nghề, tập nghề cho người lao động mới được tuyển dụng	☐	☐	☐	☐
L37	C	Thực hiện đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp của người lao động				
L38	C	Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng các chỉ tiêu chiến lược trong môi trường luôn thay đổi	☐	☐	☐	☐
CÔNG ĐOÀN, THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ						
L39	C	Thành lập tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức đại diện người lao động	☐	☐	☐	☐
L40	C	Tổ chức thương lượng tập thể theo đúng quy định	☐	☐	☐	☐
L41	C	Nội dung của thỏa ước lao động tập thể không trái với quy định của pháp luật và có lợi hơn cho người lao động	☐	☐	☐	☐
THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC, TRAO ĐỔI VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG						
L42	C	Xây dựng và công khai quy chế dân chủ tại nơi làm việc	☐	☐	☐	☐

L43	C	Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	☐	☐	☐	☐
L44	C	Tổ chức hội nghị người lao động thường niên	☐	☐	☐	☐
L45	A	Định kỳ đánh giá sự hài lòng của người lao động đối với chính sách và hoạt động của doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
L46	M	Xây dựng và thực hiện cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả trong doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
L47	C	Giải quyết tranh chấp lao động theo đúng trình tự pháp luật quy định	☐	☐	☐	☐
LAO ĐỘNG NỮ, LAO ĐỘNG ĐẶC THÙ, KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, KHÔNG CƯỠNG BỨC LAO ĐỘNG						
L48	C	Tuân thủ quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới	☐	☐	☐	☐
L49	M	Tuân thủ quy định đối với lao động chưa thành niên	☐	☐	☐	☐
L50	A	Sử dụng người lao động cao tuổi phù hợp với sức khỏe, đảm bảo quyền lao động và hiệu quả nguồn nhân lực	☐	☐	☐	☐
L51	A	Tạo việc làm, nhận người lao động là người khuyết tật, lao động thuộc diện chính sách, lao động địa phương và lao động dân tộc thiểu số...	☐	☐	☐	☐
L52	A	Tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại doanh nghiệp	☐	☐	☐	☐
L53	M	Không phân biệt đối xử (vùng miền, giới tính, tôn giáo, tuổi tác, lối sống, HIV/AIDS...)	☐	☐	☐	☐
L54	M	Không cưỡng bức lao động thông qua các hình thức như giữ giấy tờ tùy thân, bằng cấp, đặt cọc, đe dọa sa thải, làm thêm giờ mà không được sự đồng ý của người lao động...	☐	☐	☐	☐
QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG, CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI						
S1	M	Tuân thủ các yêu cầu về tiếp thị và nhãn hiệu sản phẩm/dịch vụ	☐	☐	☐	☐
S2	M	Kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người tiêu dùng, đặc biệt là trẻ em	☐	☐	☐	☐
S3	M	Thực hiện quyền bảo mật thông tin của khách hàng trong quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và sử dụng	☐	☐	☐	☐
S4	A	Thực hiện các sáng kiến/chương trình cứu trợ đồng bào tại các khu vực bị thiên tai, dịch bệnh	☐	☐	☐	☐
S5	A	Tham gia các chương trình/hoạt động hỗ trợ, phát triển cộng đồng địa phương; hỗ trợ các mô hình kinh doanh cùng người có thu nhập thấp	☐	☐	☐	☐
S6	A	Tham gia các sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh	☐	☐	☐	☐

Các chương trình/sáng kiến nổi bật của doanh nghiệp trong kỳ đánh giá về lĩnh vực Lao động và Xã hội (nếu có) đề nghị mô tả tóm tắt về mục tiêu, kết quả đạt được đồng thời gửi kèm các tư liệu chứng thực về chương trình/sáng kiến này